

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:01/2026/KDTM-PT

Ngày 5 tháng 2 năm 2026

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

Hợp đồng mua bán và Hợp đồng thuê.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Trần Quỳnh Phương

Các Thẩm phán:

Bà Tiêu Hồng Phụng

Ông Ninh Quang Thế

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Hữu Duy Khánh- Kiểm sát viên.

Ngày 5 tháng 2 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 10/2025/TLPT-KDTM ngày 21 tháng 10 năm 2025 về việc *Tranh chấp hợp đồng tín dụng, Hợp đồng mua bán và Hợp đồng thuê.*

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 26/2025/KDTM-ST ngày 25 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8-Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 19/2025/QĐ-PT ngày 21 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Ngân hàng P1.

Địa chỉ: Số B, C, phường Ô, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Quang T - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Tương L - Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh NHPT khu vực M (theo Giấy ủy quyền số 1433/GUQ.NHPT-PC ngày 18/10/2022 của Tổng Giám đốc Ngân hàng P1).

Ông Võ Tương L ủy quyền cho ông Lê Quốc N - Chức vụ: Trưởng phòng tín dụng đầu tư Chi nhánh Ngân hàng P1 (nay là Ngân hàng P1- chi nhánh C1

(theo Giấy ủy quyền số 22/GUQ-NHPT.MHA ngày 24/10/2022 của Giám đốc Chi nhánh NHPT khu vực Minh H)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ngân hàng P1: Ông Đặng Minh Q – Luật sư thuộc Công ty L1 – chi nhánh Đ (Địa chỉ: Số F.16, Nguyễn Thị T1, phường B, tỉnh Đồng Nai).

2- *Bị đơn: Công ty Cổ phần T4*

Địa chỉ: Số D, đường B, Phường H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (Nay là: phường B, tỉnh Cà Mau).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trọng H1 - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc.

3- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

3.1- Ông Nguyễn Trọng H1 - Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần T4. Sinh ngày 28/09/1975.

Đăng ký thường trú: Số A, Khu phố C, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Nơi ở hiện tại: Số B, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre (Nay là: Số B, Khu phố D, phường P, tỉnh Vĩnh Long).

3.2- Công ty trách nhiệm hữu hạn D2.

Địa chỉ: Lô A, Khu Công nghiệp H, ấp P, xã P, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Gabor F và ông Johan C van den Ban - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Xuân D và ông Tôn Thất D1 (*Địa chỉ liên hệ: Văn phòng đại diện – Công ty TNHH D2, tầng 12B, Tòa nhà S, số A, đường M, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh*) theo Giấy ủy quyền ngày 20/4/2023 của Tổng Giám đốc Công ty TNHH D2; ông Phạm Anh P (*Địa chỉ liên hệ: Văn phòng đại diện – Công ty TNHH D2, tầng 14, Cao ốc S, số A, đường M, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh*) theo Giấy ủy quyền số 1006 ngày 10/6/2024 của Tổng Giám đốc Công ty TNHH De Heus

3.3- Ủy ban nhân dân tỉnh C.

Địa chỉ: Số B, đường H, phường T, tỉnh Cà Mau.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lữ Quang N1 – Chủ tịch UBND tỉnh C.

(Ông N, ông Q có mặt, các đương sự khác vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngân hàng P1 đại diện theo ủy quyền ông Lê Quốc N trình bày: Quỹ hỗ trợ phát triển nay là Ngân hàng P1 là ngân hàng C2, hoạt động theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn D3 nắm giữ 100% vốn điều lệ, Thủ tướng Chính phủ trực tiếp thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu theo phân công của Chính phủ. Ngân hàng P1 hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận nhằm thực hiện nhiệm vụ tín dụng chính sách của Nhà nước và một số nhiệm vụ khác theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, được ngân sách nhà nước cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản

lý, được Chính phủ bảo đảm khả năng thanh toán, được miễn nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước.

Chi nhánh Ngân hàng P1 được thành lập trên cơ sở sáp nhập Chi nhánh Ngân hàng P1 và Chi nhánh Ngân hàng P1, thực hiện nhiệm vụ tín dụng chính sách trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu và tỉnh Cà Mau.

Công ty D2, được Ủy ban nhân dân tỉnh B thành lập theo Quyết định số 02/QĐ-UB ngày 21/01/2000 từ bộ máy, nhân sự của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng nhà máy C3 là doanh nghiệp nhà nước. Năm 2006, Công ty D2 được cổ phần hóa theo Quyết định số 90/QĐ-CT ngày 10/01/2006, Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 14/3/2006 và Quyết định số 544/QĐ-UBND ngày 09/8/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh B, trở thành Công ty Cổ phần D2 do Nhà nước nắm giữ trên 90% cổ phần. Cuối năm 2011 Tổng công ty Kinh doanh vốn nhà nước bán toàn bộ cổ phần cho Công ty TNHH Đ1 (Bến Tre) do Ông Nguyễn Trọng H1 làm chủ tịch Hội đồng thành viên.

Vào năm 2000, Chi nhánh Quỹ hỗ trợ phát triển B (nay là Chi nhánh Ngân hàng P1) có cho Công ty D2 (nay là Công ty Cổ phần T4) vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước để thực hiện dự án Xây dựng nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi, theo quyết định phê duyệt dự án số 1676/QĐ-UB ngày 15/12/1999 và Công văn bảo lãnh số 809/UB ngày 29/12/1999 của Ủy ban nhân dân tỉnh B. Khi đến hạn trả nợ vay, bên vay không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ (gốc, lãi), nhiều lần vi phạm các cam kết trả nợ và hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng P1 khởi kiện đòi nợ và yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm như sau:

- Ngày 10/6/2000, Chi nhánh Quỹ Hỗ trợ phát triển B (nay là Chi nhánh Ngân hàng P1, viết tắt là V) ký với Công ty D2 (nay là Công ty Cổ phần T4, viết tắt là Công ty T4) Hợp đồng cho vay vốn tín dụng đầu tư phát triển số 01.1/2000/HĐTD, theo đó V cho Công ty T4 vay số tiền 19.924.000.000 đồng, thời hạn cho vay 141 tháng, Thời hạn ân hạn 45 tháng, thời hạn trả nợ gốc là 96 tháng (bắt đầu trả nợ gốc: tháng 10 năm 2002. Trả gốc và lãi hàng tháng), lãi suất trong hạn (tính trên số dư nợ trong hạn): 7%/năm; Lãi suất quá hạn: 9,1% /năm. Theo Khế ước nhận nợ vay số 01/2000/KUNN ngày 20/03/2000 Công ty T4 đã vay số tiền 19.631.082.100 đồng.

Ngày 22/06/2001 V với Công ty D2 ký Phụ lục hợp đồng để thay đổi lãi suất cho vay trong Hợp đồng cho vay vốn tín dụng đầu tư phát triển số 01.1/2000/HĐTD ngày 10/6/2000 cụ thể như sau: Lãi suất nợ trong hạn tính trên số dư nợ đến 31/05/2001 là 7%/năm; lãi suất nợ trong hạn đối với số bắt đầu giải ngân từ 01/06/2001 trở về sau này là 5,4%/năm.

Ngày 10/12/2002, V với Công ty D2 ký Phụ lục hợp đồng để thay đổi thời hạn vay, trả nợ gốc và trả lãi trong Hợp đồng cho vay vốn tín dụng đầu tư phát triển số 01.1/2000/HĐTD ngày 10/6/2000 cụ thể như sau: Thời hạn cho vay là 129 tháng kể từ khi nhận khoản vay đầu tiên; thời hạn ân hạn là 42 tháng; thời hạn trả nợ gốc là 87 tháng (Thời điểm bắt đầu trả nợ gốc: Tháng 07 năm 2003).

Ngày 03/03/2004, V với Công ty D2 ký Phụ lục hợp đồng để thay đổi việc trả nợ gốc trong Hợp đồng cho vay vốn tín dụng đầu tư phát triển số 01.1/2000/HĐTD ngày 10/6/2000 cụ thể như sau: Kỳ hạn trả nợ gốc là 06 tháng; mức trả nợ trong mỗi kỳ hạn trả nợ gốc là 1.374.000.000 đồng.

Theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 43/1999/NĐ-CP ngày 29/6/1999 của Chính phủ, đối với doanh nghiệp N3, Công ty D2, khi vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước được dùng tài sản hình thành từ vốn vay để đảm bảo nợ vay. Việc bảo đảm tiền vay được Công ty D2 và Chi nhánh Quỹ hỗ trợ phát triển B xác lập tại Điều 11 Hợp đồng cho vay vốn tín dụng đầu tư phát triển số 01.1/2000/HĐTD ngày 10/6/2000. Tài sản thế chấp là toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay (Gồm: Nhà văn phòng, nhà xưởng, máy móc thiết bị nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi) mà V đã giải ngân vốn để đầu tư.

Đồng thời, Ủy ban nhân dân tỉnh B có bảo lãnh số tiền vay theo Công văn số 809/UB ngày 29/12/1999 về việc đề nghị Ban Q1 chế biến thức ăn chăn nuôi được đứng ra vay vốn từ Quỹ hỗ trợ đầu tư quốc gia.

Công ty T4 không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, nhiều lần vi phạm các cam kết trả nợ và hợp đồng tín dụng, V nhiều lần đôn đốc, cho gia hạn, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, điều chỉnh lãi suất,... nhưng Công ty T4 vẫn không thực hiện trả nợ gốc và lãi đúng theo Hợp đồng cho vay vốn tín dụng đầu tư phát triển số 01.1/2000/HĐTD ngày 10/6/2000, để phát sinh nợ quá hạn kéo dài nhiều năm, xâm hại nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng P1, gây ảnh hưởng đến an toàn vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước.

Khi thực hiện cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước (Công ty D2), Ủy ban nhân dân tỉnh B đã không thông báo và không đưa Chi nhánh Quỹ hỗ trợ phát triển Bạc Liêu vào tham gia hội đồng với tư cách là chủ nợ. Đến khi hoàn thành thủ tục cổ phần hoá theo Quyết định số 90/QĐ-CT ngày 10/01/2006, Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 14/3/2006 và Quyết định số 544/QĐ-UBND ngày 09/8/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh B thì Công ty D2 mới có báo cáo cho Chi nhánh Quỹ hỗ trợ phát triển Bạc Liêu. Chi nhánh Quỹ hỗ trợ phát triển Bạc Liêu đã có các Công văn số 22/HTPT-TD ngày 06/4/2006 và Công văn số 15/HD-HTPT.BLI-TD ngày 02/8/2006 yêu cầu Công ty T4 ký lại hợp đồng thế chấp theo Điều 11 Hợp đồng cho vay vốn tín dụng đầu tư phát triển số 01.1/2000/HĐTD ngày 10/6/2000 nhưng Công ty T4 không hợp tác thực hiện ký thủ tục mà tiếp tục kế thừa toàn bộ nghĩa vụ trả nợ, có tiếp tục trả nợ cho V (từ tháng 7/2006 đến nay Công ty T4 đã trả nợ 11.737.560.639 đồng, trong đó trả nợ gốc 8.711.000.000 đồng, trả nợ lãi 2.966.560.639 đồng), và có đối chiếu nợ hàng năm.

Hiện nay Công ty T4 đã cho Công ty TNHH D2 – Chi nhánh D2 thuê tài sản toàn bộ nhà xưởng, máy móc thiết bị, nhà văn phòng và các hạng mục công trình trong khuôn viên công ty, theo Hợp đồng thuê nhà xưởng số 30052019/HĐTNX-2019 ký ngày 30/5/2019, mà không báo cáo và chưa được sự chấp thuận của V. Số tiền thu được từ cho Công ty TNHH D2 – Chi nhánh D2 thuê tài sản Công ty T4 cũng không trả nợ cho Ngân hàng P1.

Nay yêu cầu Toà án giải quyết buộc Công ty T4 phải trả nợ cho Ngân hàng P1 theo Hợp đồng cho vay vốn tín dụng đầu tư phát triển số 01.1/2000/HĐTD ngày 10/6/2000 và các Phụ lục hợp đồng với tổng số tiền tính đến ngày 20/8/2025 là 9.694.698.681 đồng (Trong đó: Nợ gốc 3.798.757.700 đồng; nợ lãi trong hạn 4.699.210.135 đồng; lãi quá hạn 1.196.730.846 đồng). Ngoài ra Công ty T4 còn phải chịu lãi phát sinh kể từ ngày 21/8/2025 theo Hợp đồng cho vay vốn tín dụng đầu tư phát triển số 01.1/2000/HĐTD ngày 10/6/2000 và các Phụ lục hợp đồng đến ngày bản án được thi hành xong. Ngân hàng P1 yêu cầu buộc ông Nguyễn Trọng H1 có nghĩa vụ liên đới trả nợ thay trong trường hợp Công ty T4 không trả nợ cho Ngân hàng P1. Buộc Công ty T4 phải chịu mọi chi phí tố tụng liên quan. Trường hợp Công ty T4 không thanh toán được nợ vay nêu trên thì Ngân hàng P1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền: Xử lý toàn bộ tài sản của Công ty T4 mà Ngân hàng P1 đã cho vay đầu tư để thu nợ cho Ngân hàng P1.

Bị đơn Công ty Cổ phần T4 trình bày: Công ty Cổ phần T4 từ ngày 16/6/2023 đã được Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh B cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần (đăng ký thay đổi lần thứ 9) và người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần T4 hiện nay là ông Nguyễn Trọng H1 - Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần T4.

Theo Hợp đồng tín dụng số 01.1/2000/HĐTD ngày 10/6/2000 (thay thế Hợp đồng tín dụng số 21/2000/HĐTD ngày 31/01/2000) Ngân hàng P1 cho Công ty Cổ phần T4 (gọi tắt: Công ty T4) vay số tiền 19.924.000.000 đồng, thời hạn cho vay: 141 tháng, thời hạn trả nợ gốc: 96 tháng (Trả hàng tháng), thời điểm bắt đầu trả nợ gốc: Tháng 10 năm 2002 (Mức trả nợ trong mỗi kỳ hạn trả nợ gốc: 207.600.000 đồng/kỳ), lãi suất trong hạn (tính trên số dư nợ trong hạn): 7%/năm, lãi suất quá hạn: 9,1% /năm. Theo Khế ước nhận nợ vay số 01/2000/KUNN ngày 20/03/2000 đã ký giữa V với Công ty T4, số tiền thực tế giải ngân là 19.631.082.100 đồng phát sinh từ Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi trước đây; sau đó đến cuối năm 2010 cổ phần hoá đổi tên thành Công ty Cổ phần T4, các hạng mục vay với Ngân hàng P1 cùng các chứng từ thì Công ty Cổ phần T4 không nắm được chỉ biết còn khoản nợ với Ngân hàng P1, nên khoản nợ này buộc ông Nguyễn Trọng H1 cùng có trách nhiệm là không đúng mà là khoản nợ của Công ty Cổ phần T4 đối với Ngân hàng P1.

Các hạng mục phát sinh từ Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi trước đây vay của Ngân hàng P1 chuyển cho Công ty Cổ phần T4 thì chúng tôi không nắm rõ (tính đến nay trên 20 năm) có thể các tài sản đảm bảo không còn (không biết là tài sản nào), trách nhiệm Công ty Cổ phần T4 vẫn phối hợp cùng Toà án xử lý khoản nợ này của Công ty Cổ phần T4 theo quy định pháp luật. Nhưng về tài sản thì chỉ đồng ý xử lý theo những tài sản đối với các khoản vay theo hợp đồng tín dụng trên đối với Ngân hàng P1, không xử lý các tài sản khác phát sinh do Công ty Cổ phần T4 hoặc Công ty TNHH D2 đầu tư (theo hợp đồng giữa Công ty Cổ phần T4 và Công ty TNHH D2).

Theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng P1 yêu cầu Công ty Cổ phần T4 phải trả tổng số tiền tính đến ngày 30/10/2022 là 8.934.681.211 đồng (gồm: Nợ gốc: 3.798.757.700 đồng; Nợ lãi: 5.135.923.511 đồng) và lãi phát sinh kể từ ngày 01/11/2022 theo hợp đồng tín dụng nêu trên đến ngày bản án được thi hành xong thì Công ty Cổ phần T4 cũng thống nhất, nhưng tình hình hoạt động của Công ty Cổ phần T4 cũng khó khăn nên xin Ngân hàng K nợ cho Công ty Cổ phần T4 trả dần (do nợ phát sinh từ Nhà máy C3).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH D2 đại diện theo uỷ quyền ông Tôn Thất D1 và ông Trần Xuân D trình bày: Ngày 30/05/2019, Công ty TNHH D2 (cụ thể là Công ty TNHH D2 – Chi nhánh D2) và Công ty Cổ phần T4 đã ký kết Hợp đồng thuê nhà xưởng số 30052019/HĐTNX-2019, theo đó Công ty T4 đã cho Công ty TNHH D2 (gọi tắt: Công ty D2) chi nhánh D2 thuê toàn bộ nhà xưởng, công trình xây dựng có trên diện tích là 9.680,5 m² tại thửa đất số 475, đường B, Phường H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu để Chi Nhánh Công ty D2 làm nhà máy S và làm địa điểm kinh doanh, với thời hạn thuê là 15 năm tính từ ngày ngày 29/06/2019. Tại Điều 5.1 của Hợp đồng thuê, Chi Nhánh Công ty TNHH D2 trả trước cho Công ty Cổ phần T4 số tiền là 15.000.000.000 đồng để Công ty T4 thực hiện việc sửa chữa, nâng cấp Nhà xưởng và tiền này được thanh toán trực tiếp cho các nhà cung cấp liên quan đến hoạt động sửa chữa Nhà xưởng theo yêu cầu thanh toán của Công ty T5 từng thời điểm. Tuy nhiên, chi phí sửa chữa, nâng cấp thực tế nhiều hơn dự kiến ban đầu, nên các bên đã ký Bản sửa đổi Hợp đồng số 02 ngày 05/11/2020 để ghi nhận số tiền thực chi mà Chi Nhánh Công ty TNHH D2 đã trả là 18.178.528.710 đồng (Công ty D2 đã chuyển thanh toán bằng 34 chứng từ với số tiền 18.178.528.710 đồng).

Số tiền trả trước này sẽ được căn trừ dần vào tiền thuê mà Công ty TNHH D2 có trách nhiệm phải trả cho Công ty T4 trong thời hạn 15 năm, tính từ ngày 01/01/2021. Lý do của việc quy định căn trừ từ ngày 01/01/2021 là do Hợp đồng thuê nhà xưởng số 30052019/HĐTNX-2019 có quy định tại khoản 5.1 của Điều 5 “... Bên thuê đồng ý trả trước cho bên cho thuê số tiền dự kiến là 15.000.000.000 đồng. Số tiền cụ thể sẽ căn cứ theo thực tế chi phí cần thiết cho việc sửa chữa, nâng cấp Nhà xưởng. Tiền trả trước sẽ do bên thuê thanh toán cho các nhà cung cấp liên quan đến hoạt động sửa chữa,...” dù rằng đã bàn giao nhà xưởng từ ngày 29/6/2019 nhưng phải sửa chữa và Công ty D2 chưa căn trừ như Hợp đồng trên, nên Bản sửa đổi Hợp đồng số 02 ngày 05/11/2020 đã có sửa đổi là “... Các bên đồng ý rằng Tiền trả trước sẽ được căn trừ dần với số tiền thuê tính từ ngày 01/01/2021 cho đến hết số tháng còn lại của thời hạn thuê....” (tại Mục 1 của Bản sửa đổi Hợp đồng số 02). Do đó, tính đến hết tháng 02/2023 đã được căn trừ vào tiền thuê là 1.403.000.009 đồng, còn lại số tiền là 16.775.528.701 đồng.

Ngoài ra, ngày 30/05/2019, Công ty TNHH D2 và Công ty T4 đã ký kết Hợp đồng nguyên tắc mua bán thức ăn chăn nuôi số 30052019/HĐMBTACN theo Hợp Đồng thì De Heus đã cung cấp các thức ăn chăn nuôi cho Công ty T4 và dư nợ mà T2 có trách nhiệm thanh toán cho De H2 theo Biên bản đối chiếu công nợ được T2

xác nhận vào ngày 31/10/2021 là 8.296.339.500 đồng (có biên bản xác nhận công nợ đính kèm). Do còn nợ tiền mua thức ăn chăn nuôi của Công ty D2, Công ty T4 đã đồng ý sử dụng 200.000.000 đồng/tháng từ tiền thuê mà Chi N2 có trách nhiệm trả cho T2 theo Hợp Đồng thuê để trừ dần vào khoản nợ mà T2 còn đang nợ De H2 phát sinh từ việc mua các thức ăn chăn nuôi của De Heus. Theo đó, dư nợ mua thức ăn chăn nuôi mà T2 còn nợ De H2 tính đến ngày 13/03/2023 là 7.496.429.500 đồng. Như vậy, hiện tại toàn bộ tiền thuê của mỗi tháng theo Hợp đồng thuê được sử dụng để trừ vào tiền trả trước theo Hợp đồng thuê và các khoản nợ mà Công ty T4 còn nợ Công ty D2 từ việc mua thức ăn chăn nuôi của Công ty D2 theo Hợp đồng mua bán TACN. Tính đến ngày 13/3/2023 số tiền Công ty T4 còn nợ Công ty D2 là 24.271.958.201 đồng (gồm: 16.775.528.701 đồng + 7.496.429.500 đồng). Theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng P1 yêu cầu xử lý toàn bộ tài sản của Công ty T4 (nếu có bao gồm Nhà xưởng) sẽ gây thiệt hại nghiêm trọng đối với các hoạt động kinh doanh của Công ty D2 (cụ thể là hoạt động của chi nhánh tại Cà Mau). Nên Công ty D2 khởi kiện yêu cầu độc lập đối với Công ty T4:

- Buộc Công ty Cổ phần T4 có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH D2 – Chi nhánh C1 số tiền trả trước chưa được căn trừ là 16.775.528.701 đồng, nếu Công ty TNHH D2 – Chi nhánh C1 không thể tiếp tục sử dụng Nhà Xưởng theo Hợp Đồng Thuê đã ký.

- Buộc Công ty T4 có trách nhiệm thanh toán các khoản nợ cho Công ty D2 từ việc mua thức ăn chăn nuôi theo Hợp đồng nguyên tắc mua bán thức ăn chăn nuôi số 30052019/HĐMBTACN, với số tiền là 7.496.429.500 đồng.

- Buộc Công ty T4 trả khoản tiền lãi chậm trả theo qui định của Hợp đồng nguyên tắc mua bán thức ăn chăn nuôi số 30052019/HĐMBTACN của số tiền là 7.496.429.500 đồng theo lãi suất nợ quá hạn do Ngân hàng V1 áp dụng cho các khoản vay ngắn hạn tại thời điểm thanh toán (theo điểm 5.4 Điều 5 của Hợp đồng nguyên tắc mua bán thức ăn chăn nuôi số 30052019/HĐMBTACN) tạm tính từ ngày 31/12/2021 đến ngày 21/4/2023 là 1.290.453.858 đồng (mức lãi trong hạn là 8,8%/năm; quá hạn là 13.20%/ năm).

- Buộc các bên liên quan khi xử lý tài sản của Công ty T4 (nếu có) không được làm chấm dứt Hợp đồng thuê, Chi nhánh Công ty D2 được tiếp tục thuê nhà xưởng cho đến hết thời hạn thuê.

- Việc xử lý tài sản thế chấp của Công ty T4 phải từ tài sản hình thành vốn vay của Ngân hàng P1. Đề nghị TAND Khu vực 6 - Cà Mau yêu cầu Ngân hàng P1 có trách nhiệm chứng minh và xác định các tài sản thế chấp của Công ty T4 được hình thành từ vốn vay của Ngân hàng P1.

- Buộc Công ty T4 có trách nhiệm sử dụng khoản tiền xử lý tài sản còn lại (sau khi đã trả các khoản nợ có thế chấp) để thanh toán cho các khoản nợ mà Công ty T4 còn đang nợ Công ty D2.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trọng H1 tại Bản tự khai đề ngày 27/02/2023 thể hiện: Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng P1 yêu cầu

C4 phải trả tổng số tiền tính đến ngày 30/10/2022 là 8.934.681.211 đồng (gồm: Nợ gốc: 3.798.757.700 đồng; Nợ lãi: 5.135.923.511 đồng) và lãi phát sinh kể từ ngày 01/11/2022 theo hợp đồng tín dụng nêu trên đến ngày bản án được thi hành xong; còn yêu cầu buộc ông là Nguyễn Trọng H1 có nghĩa vụ liên đới trả nợ thay trong trường hợp Công ty T4 không trả nợ cho Ngân hàng P1 và trường hợp Công ty T4 không thanh toán được nợ vay và buộc ông là Nguyễn Trọng H1 không thực hiện trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý toàn bộ các tài sản của Công ty T4 và các tài sản hợp pháp khác (nếu có) để trả nợ cho Ngân hàng P1. Vấn đề nợ Ngân hàng P1 yêu cầu Công ty T4 thì ông cũng thống nhất; còn vấn đề buộc ông có trách nhiệm liên đới trả nợ thay cho C4 thì hoàn toàn không đúng, vì Công ty TomKing là Công ty Cổ phần có nhiều thành viên góp vốn.

Đối với các khoản vay theo như Ngân hàng P1 trình bày khởi kiện: Hợp đồng tín dụng số 01.1/2000/HĐTD ngày 10/6/2000 (thay thế Hợp đồng tín dụng số 21/2000/HĐTD ngày 31/01/2000) thì toàn bộ các khoản vay này đối với Ngân hàng P2 ông hoàn toàn không biết, vì Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi trước đây, sau đó cổ phần hoá đổi tên thành Công ty Cổ phần T4, đến cuối năm 2010 thì ông mới mua cổ phần và làm ở Công ty T4 với chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần T4; do đó các hạng mục vay với Ngân hàng P1 thì hoàn toàn không nắm được chỉ biết còn khoản nợ với Ngân hàng Phát triển, nên buộc ông có trách nhiệm liên đới thì ông không đồng ý, vì Công ty T4 là Công ty Cổ phần nên phải chịu trách nhiệm theo luật doanh nghiệp quy định về Công ty cổ phần, nên trách nhiệm liên đới của ông trong phần vốn góp vào Công ty cùng các thành viên khác.

Còn các hạng mục của Công ty T4 vay của Ngân hàng P1 thì ông không nắm rõ (tính đến nay trên 20 năm) có thể các tài sản đảm bảo không còn (ông cũng không biết là tài sản nào), trách nhiệm ông vẫn phối hợp cùng Toà án xử lý khoản nợ này của Công ty T4 theo quy định pháp luật. Nhưng về tài sản thì chỉ đồng ý xử lý theo những tài sản đối với các khoản vay theo hợp đồng trên đối với Ngân hàng P1; còn đối với những tài sản khi ông về làm cho Công ty T4 từ năm 2010 đến nay không nằm trong các khoản vay trên thì không đồng ý theo yêu cầu của Ngân hàng P1 là xử lý các tài sản khác (Tài sản mua từ năm 2010 đến nay).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND tỉnh B (Nay là: tỉnh Cà Mau):
Không có ý kiến trình bày.

Tại phiên toà nguyên đơn xin rút yêu cầu ông Nguyễn Trọng H1 có nghĩa vụ trả nợ thay trong trường hợp Công ty T4 không trả nợ cho Ngân hàng P1 và yêu cầu phát mãi tài sản các tài sản thế chấp gồm: Thiết bị phòng hóa nghiệm; Trang thiết bị văn phòng làm việc; Bồn dầu 1.500 lít; 01 (Một) xe ô tô Ford Lasez DLX mang biển số kiểm soát 94H-3299; 01 (Một) xe tải ISUZU 3 tấn mang biển số kiểm soát 94L-5767; 01 (Một) xe nâng hàng Komatsu fork-lift; 01 (Một) xe tải Isuzu 5,5 tấn mang biển số kiểm soát 94L-5746; 02 (Hai) xe Honda Supper Dream.

Tại phiên toà sơ thẩm, Công ty TNHH D2 xin:

1- Rút yêu cầu “Buộc Công ty T4 có trách nhiệm thanh toán các khoản nợ cho Công ty D2 từ việc mua thức ăn chăn nuôi theo Hợp đồng nguyên tắc mua bán thức ăn chăn nuôi số 30052019/HĐMBTACN, với số tiền là 7.496.429.500 đồng”;

2- Sửa đổi, bổ sung “Buộc Công ty TomKing trả khoản tiền lãi chậm trả theo qui định của Hợp đồng nguyên tắc mua bán thức ăn chăn nuôi số 30052019/HĐMBTACN theo lãi suất nợ quá hạn do Ngân hàng V1 tính từ ngày 31/12/2021 đến ngày 21/4/2023 là 1.290.453.858 đồng (mức lãi trong hạn là 8,8%/năm; quá hạn là 13.20%/ năm)”. Tuy nhiên, tại Bản sửa đổi hợp đồng số 03 ngày 01/01/2024, khoản nợ tiền mua thức ăn chăn nuôi của T2 đã được các bên thỏa thuận căn trừ hoàn toàn vào tiền thuê trả trước theo Hợp đồng thuê từ ngày 31/12/2023, nên số tiền lãi yêu cầu Công ty T4 trả cho Công ty TNHH D2 theo Hợp đồng nguyên tắc mua bán thức ăn chăn nuôi số 30052019/HĐMBTACN số tiền tính từ ngày 31/12/2021 đến ngày 31/12/2023 là 1.926.233.628 đồng;

3- Bổ sung yêu cầu: “Buộc Công ty Cổ phần T4 có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH D2 – Chi nhánh D2 số tiền trả trước chưa được căn trừ là 16.775.528.701 đồng nếu Công ty TNHH D2 – Chi nhánh D2 không thể tiếp tục sử dụng Nhà Xưởng theo Hợp Đồng T3 đã ký” thành “Buộc Công ty Cổ phần T4 có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH D2 số tiền trả trước chưa được căn trừ là 23.598.816.943 đồng, đại diện nhận tiền là Công ty TNHH D2 – Chi nhánh D2, nếu Công ty TNHH D2 – Chi nhánh D2 không thể tiếp tục sử dụng Nhà Xưởng theo Hợp Đồng T3 đã ký”. Do ngày 01/01/2024 các bên đã ký Bản sửa đổi hợp đồng số 03 điều chỉnh tiền thuê theo Hợp đồng thuê là 372.671.742 đồng/tháng (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) là tiền thuê đến hết ngày 06/06/2030.

4- Các phần khác vẫn giữ nguyên yêu cầu:

- Buộc các bên liên quan khi xử lý tài sản của Công ty T4 (nếu có) không được làm chấm dứt Hợp đồng thuê, Chi nhánh Công ty D2 được tiếp tục thuê nhà xưởng cho đến hết thời hạn thuê.

- Việc xử lý tài sản thế chấp của Công ty T4 phải từ tài sản hình thành vốn vay của Ngân hàng P1. Đề nghị TAND thành phố Bạc Liêu yêu cầu Ngân hàng P1 có trách nhiệm chứng minh và xác định các tài sản thế chấp của Công ty T4 được hình thành từ vốn vay của Ngân hàng P1.

- Buộc Công ty T4 có trách nhiệm sử dụng khoản tiền xử lý tài sản còn lại (sau khi đã trả các khoản nợ có thế chấp) để thanh toán cho các khoản nợ mà Công ty T4 còn đang nợ Công ty D2.

Từ nội dung nêu trên, tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 26/2025/KDTM-ST ngày 25 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6-Cà Mau đã tuyên xử:

1./ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng P1 yêu cầu Công ty Cổ phần T4 trả nợ theo Hợp đồng cho vay vốn tín dụng đầu tư phát triển số 01.1/2000/HĐTD ngày 10/6/2000 và các Phụ lục hợp đồng với tổng số tiền tạm

tính đến ngày 20/8/2025 là 9.694.698.681 đồng (Trong đó: Nợ gốc 3.798.757.700 đồng; nợ lãi trong hạn 4.699.210.135 đồng; lãi quá hạn 1.196.730.846 đồng).

2/. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng P1 yêu cầu ông Nguyễn Trọng H1 có nghĩa vụ trả nợ thay trong trường hợp Công ty T4 không trả nợ cho Ngân hàng P1 và yêu cầu phát mãi tài sản các tài sản thế chấp gồm: Thiết bị phòng hóa nghiệm; Trang thiết bị văn phòng làm việc; Bồn dầu 1.500 lít; 01 (Một) xe ô tô Ford Lasez DLX mang biển số kiểm soát 94H-3299; 01 (Một) xe tải ISUZU 3 tấn mang biển số kiểm soát 94L-5767; 01 (Một) xe nâng hàng Komatsu fork-lift; 01 (Một) xe tải Isuzu 5,5 tấn mang biển số kiểm soát 94L-5746; 02 (Hai) xe Honda Supper Dream.

3/. Đình chỉ yêu cầu phản tố của Công Ty TNHH D2 yêu cầu Công ty Cổ phần T4 trả nợ theo Hợp đồng nguyên tắc mua bán thức ăn chăn nuôi số 30052019/HĐMBTACN ngày 30/5/2019 số tiền 7.496.429.500 đồng.

4/. Buộc Công ty Cổ phần T4 có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng P1 theo Hợp đồng cho vay vốn tín dụng đầu tư phát triển số 01.1/2000/HĐTD ngày 10/6/2000 và các Phụ lục hợp đồng với tổng số tiền tính đến xét xử sơ thẩm (ngày 20/8/2025) số tiền là 9.694.698.681 đồng (*Chín tỷ, sáu trăm chín mươi bốn triệu, sáu trăm chín mươi tám nghìn, sáu trăm tám mươi một đồng*). Trong đó: Nợ gốc 3.798.757.700 đồng; nợ lãi trong hạn 4.699.210.135 đồng; lãi quá hạn 1.196.730.846 đồng.

Kể từ ngày 21/8/2025, Công ty Cổ phần T4 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo Hợp đồng cho vay vốn tín dụng đầu tư phát triển số 01.1/2000/HĐTD ngày 10/6/2000 và các Phụ lục hợp đồng đã ký cam kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ với Ngân hàng P1.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5/. Bác yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng P1 yêu cầu xử lý toàn bộ tài sản của Công ty Cổ phần T4 mà Ngân hàng P1 đã cho vay đầu tư để thu nợ cho Ngân hàng P1 theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 21/6/2024 gồm: Văn phòng làm việc, kho thành phẩm, kho nguyên liệu, xưởng sơ chế, xưởng sản xuất, nhà để xe 02 bánh, nhà ăn, nhà bảo vệ, khu nhà vệ sinh, hàng rào, cầu tàu, sân để trồng cây kiểng – cây xanh, đường nhựa nội bộ, hệ thống cấp thoát nước, tháp nước 10m³ (bồn Inox), hệ thống chống sét, hệ thống chữa cháy, hệ thống điện, máy nghiền sơ bộ, máy phát điện và hệ thống thiết bị nhập ngoại HeemHorst (Hà Lan) khi Công ty Cổ phần T4 không thực hiện trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng P1.

6/. Bác yêu cầu của Công Ty TNHH D2 yêu cầu Công ty Cổ phần T4 trả khoản tiền lãi chậm trả theo qui định của Hợp đồng nguyên tắc mua bán thức ăn chăn nuôi số 30052019/HĐMBTACN số tiền tính từ ngày 31/12/2021 đến ngày 31/12/2023 là 1.926.233.628 đồng.

7/. Không đặt ra giải quyết các yêu cầu của Công ty TNHH D2:

- Yêu cầu Công ty Cổ phần T4 có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH D2 – Chi nhánh D2 số tiền trả trước chưa được căn trừ là 16.775.528.701 Đồng, nếu Công ty TNHH D2 – Chi nhánh D2 không thể tiếp tục sử dụng Nhà Xưởng theo Hợp Đồng T3 đã ký.

- Buộc các bên liên quan khi xử lý tài sản của Công ty Cổ phần T4 (nếu có) không được làm chấm dứt Hợp đồng thuê, Chi nhánh Công ty D2 được tiếp tục thuê nhà xưởng cho đến hết thời hạn thuê và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Công ty T4 phải từ tài sản hình thành vốn vay của Ngân hàng P1; yêu cầu Ngân hàng P1 có trách nhiệm chứng minh và xác định các tài sản thế chấp của Công ty T4 được hình thành từ vốn vay của Ngân hàng P1.

- Buộc Công ty Cổ phần T4 có trách nhiệm sử dụng khoản tiền xử lý tài sản còn lại (sau khi đã trả các khoản nợ có thế chấp) để thanh toán cho các khoản nợ mà Công ty Cổ phần T4 còn đang nợ Công ty TNHH D2.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 8/9/2025, Ngân hàng P1 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2025/KDTM-ST ngày 25 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6-Cà Mau theo hướng yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm:

- Công nhận hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai (tài sản hình thành từ vốn vay) dự án đầu tư Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi tại điều khoản trong hợp đồng tín dụng.

- Tuyên bố Ngân hàng P1 có quyền yêu cầu Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp hình thành từ vốn vay theo dự án để thu hồi nợ cho Ngân hàng P1.

- Trường hợp Công ty T4 không thanh toán được nợ vay nêu trên thì Ngân hàng P1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền: Xử lý toàn bộ tài sản của Công ty T4 mà Ngân hàng P1 đã cho vay đầu tư để thu nợ cho Ngân hàng P1.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Ngân hàng xác định Ngân hàng P1 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2025/KDTM-ST ngày 25 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6-Cà Mau theo hướng trường hợp Công ty T4 không thanh toán được nợ vay nêu trên thì Ngân hàng P1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền: Xử lý toàn bộ tài sản của Công ty T4 mà Ngân hàng P1 đã cho vay đầu tư để thu nợ cho Ngân hàng P1.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Ngân hàng P1 xác định không yêu cầu gì đối với Ủy ban nhân dân tỉnh B (nay là Ủy ban nhân dân tỉnh C), không yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh B (nay là Ủy ban nhân dân tỉnh C) có trách nhiệm người bảo lãnh đối với món vay của công ty T4.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng P1. Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 26/2025/KDTM-ST ngày 25 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6-Cà Mau theo hướng chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng, trường hợp Công ty T4 không thanh toán được nợ vay nêu trên thì Ngân hàng P1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền: Xử lý toàn bộ tài sản của Công ty T4 mà Ngân hàng P1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu ý kiến:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng P1. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 26/2025/KDTM-ST ngày 25 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6-Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của Ngân hàng P1 nộp trong thời hạn luật định, đã đóng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Căn cứ Điều 273 và Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng P1 có mặt, các đương sự khác đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 2 lần nhưng vẫn vắng mặt hoặc có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét vụ án vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét kháng cáo của Ngân hàng P1 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 26/2025/KDTM-ST ngày 25 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6-Cà Mau theo hướng trường hợp Công ty T4 không thanh toán được nợ vay nêu trên thì Ngân hàng P1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền: Xử lý toàn bộ tài sản của Công ty T4 mà

Ngân hàng P1 đã cho vay đầu tư để thu nợ cho Ngân hàng P1, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hợp đồng cho vay vốn tín dụng đầu tư phát triển số 01.1/2000/HĐTD ngày 10/6/2000 và các Phụ lục hợp đồng để thay đổi lãi suất cho vay trong Hợp đồng cho vay vốn tín dụng đầu tư phát triển số 01.1/2000/HĐTD ngày 10/6/2000 được Ngân hàng P1 và Công ty Cổ phần T4 thừa nhận, nên đây là những chứng cứ không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại Điều 11 Hợp đồng cho vay vốn tín dụng đầu tư phát triển số 01.1/2000/HĐTD ngày 10/6/2000 quy định:

1. Tài sản hình thành bằng vốn vay là tài sản bảo đảm nợ vay của bên cho vay cho đến khi trả hết nợ vay và lãi vay. trong thời gian bên vay chưa trả hết nợ và lãi vay, khi nhượng bán, điều chuyển, thanh lý tài sản đầu tư bằng vốn vay, bên vay phải thông báo bằng văn bản và được sự chấp thuận bằng văn bản của bên cho vay. Toàn bộ tiền thu được phải chuyển hết vào tài khoản tiền gửi tại bên cho vay để hoàn trả nợ gốc và lãi vay. Nếu không đủ bên vay phải dùng nguồn hợp pháp khác để trả nợ gốc và lãi vay. Bên vay chịu mọi chi phí phát sinh trong quá trình làm thủ tục nhượng bán tài sản đầu tư bằng vốn vay. Bên vay không được dùng tài sản được đầu tư bằng vốn vay để thế chấp, cầm cố cho một tổ chức tín dụng khác khi chưa trả hết nợ gốc và lãi vay theo hợp đồng tín dụng này. Nếu hết thời hạn vay vốn, bên vay không trả hoặc không trả đủ nợ vay thì bên cho vay có quyền đề nghị bên vay phát mại tài sản để thu hồi nợ vay.. Bên vay chịu mọi chi phí phát sinh trong quá trình làm thủ tục phát mại tài sản để thu hồi nợ vay. Nếu tài sản phát mại không đủ thì bên vay có trách nhiệm dùng các nguồn vốn hợp pháp khác để trả nợ cho bên cho vay. Bên vay vốn cam kết làm thủ tục để thế chấp cho bên cho vay toàn bộ tài sản hình thành bằng nguồn vốn vay ngay sau khi hoàn thành đưa vào sử dụng.

2. Hình thức bảo đảm khác:/

Điều 15 Nghị định số 43/1999/NĐ-CP ngày 29/6/1999 của Chính phủ, về tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước thì tại khoản 1 nêu trên đã quy định “Đối với chủ đầu tư là doanh nghiệp nhà nước, khi vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, chủ đầu tư được dùng tài sản hình thành bằng vốn vay để bảo đảm tiền vay...”

Điều 16 của Nghị định 178/1999/NĐ-CP ngày 29/12/1999 của Chính phủ về bảo đảm tiền vay của các tổ chức tín dụng có quy định:

“1. Hợp đồng cầm cố, thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay phải được lập thành văn bản; có thể ghi vào hợp đồng tín dụng hoặc lập thành văn bản riêng do các bên thỏa thuận. Khi tài sản đã được hình thành đưa vào sử dụng, các bên phải lập phụ lục hợp đồng cầm cố, thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay, trong đó mô tả đặc điểm, xác định giá trị tài sản đã được hình thành.

2. Nội dung, thủ tục ký kết và thực hiện hợp đồng cầm cố, thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay, đăng ký giao dịch bảo đảm đối với việc bảo đảm bằng tài

sản hình thành từ vốn vay thực hiện theo quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm. Hợp đồng cầm cố, thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay có chứng nhận của Công chứng Nhà nước hoặc chứng thực của ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền nếu các bên có thoả thuận, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.”.

Điều 10 của Nghị định 165/1999/NĐ-CP ngày 19/11/1999 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm có quy định về hình thức hợp đồng:

“1. Hợp đồng cầm cố, thế chấp, bảo lãnh bằng tài sản phải được lập thành văn bản; có thể lập thành văn bản riêng hoặc ghi trong hợp đồng chính.

2. Hợp đồng cầm cố, thế chấp, bảo lãnh bằng tài sản có chứng nhận của Công chứng nhà nước hoặc chứng thực của ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền, nếu các bên có thoả thuận; trong trường hợp pháp luật quy định phải có chứng nhận hoặc chứng thực, thì các bên phải tuân theo”.

Điều 11 của Nghị định 165/1999/NĐ-CP ngày 19/11/1999 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm có quy định về nội dung chủ yếu của hợp đồng cầm cố, thế chấp tài sản:

2. Trong trường hợp cầm cố, thế chấp bằng tài sản hình thành trong tương lai, thì khi bên cầm cố, thế chấp có quyền sở hữu đối với tài sản đó, các bên có thể thoả thuận lập phụ lục hợp đồng, trong đó mô tả tài sản, giá trị của tài sản, nếu có thoả thuận hoặc pháp luật có quy định.

Điều 347 Bộ luật dân sự năm 1999 quy định về hình thức thế chấp tài sản

1- Thế chấp tài sản phải được lập thành văn bản, có thể lập thành văn bản riêng hoặc ghi trong hợp đồng chính và phải có chứng nhận của Công chứng nhà nước hoặc chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền, nếu có thoả thuận hoặc pháp luật có quy định.

2- Việc thế chấp phải được đăng ký, nếu bất động sản có đăng ký quyền sở hữu.

Xét thấy: Theo quy định tại Điều 11 của Hợp đồng cho vay tín dụng đầu tư phát triển có quy định tài sản hình thành bằng vốn vay là tài sản bảo đảm nợ vay của bên cho vay cho đến khi trả hết nợ vay và lãi vay, bên vay vốn cam kết làm thủ tục thế chấp cho bên vay toàn bộ tài sản hình thành bằng nguồn vốn vay ngay sau khi hoàn thành đưa vào sử dụng. Nhưng đến nay, Công ty D2 (nay là Cổ phần Thức ăn thủy sản T4) và Chi nhánh Quỹ Hỗ trợ phát triển B (nay là Chi nhánh Ngân hàng P1) ngoài ký hợp đồng cho vay và các phụ lục hợp đồng điều chỉnh lãi suất, thời hạn, số tiền phải trả thì không có ký bất kỳ hợp đồng thế chấp nào khác để mô tả tài sản thế chấp và các tài sản thế chấp cũng không đăng ký giao dịch bảo đảm nên về hình thức và nội dung của hợp đồng thế chấp tài sản đã vi phạm Điều 347 Bộ luật năm 1999, Điều 10, Điều 11 Nghị định 165/1999/NĐ-CP ngày 19/11/1999 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Điều 16 của Nghị định 178/1999/NĐ-CP ngày 29/12/1999 của Chính phủ về bảo đảm tiền vay của các tổ chức tín dụng nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc xử

lý tài sản hình thành từ vốn vay để thu hồi nợ trong trường hợp Công ty T4 không trả được nợ.

[3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng P1; Chấp nhận ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên; Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 26/2025/KDTM-ST ngày 25 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6-Cà Mau.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Ngân hàng P1 kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[5] Các phần Quyết định khác của Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 26/2025/KDTM-ST ngày 25 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6-Cà Mau không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng P1. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 26/2025/KDTM-ST ngày 25 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6-Cà Mau;

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 1 Điều 40; khoản 1 Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 217, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải, Đối thoại tại Tòa án.

Căn cứ Điều 347 Bộ luật Dân sự năm 1999;

Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 10, 11 Nghị định 165/1999/NĐ-CP ngày 19/11/1999 của Chính Phủ; Điều 16 Nghị định 178/1999/NĐ-CP ngày 29/12/1999 của Chính Phủ.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1./ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng P1 yêu cầu Công ty Cổ phần T4 trả nợ theo Hợp đồng cho vay vốn tín dụng đầu tư phát triển số 01.1/2000/HĐTD ngày 10/6/2000 và các Phụ lục hợp đồng với tổng số tiền tạm tính đến ngày 20/8/2025 là 9.694.698.681 đồng (Trong đó: Nợ gốc 3.798.757.700 đồng; nợ lãi trong hạn 4.699.210.135 đồng; lãi quá hạn 1.196.730.846 đồng).

2/. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng P1 yêu cầu ông Nguyễn Trọng H1 có nghĩa vụ trả nợ thay trong trường hợp Công ty Cổ phần T4 không trả nợ cho

Ngân hàng P1 và yêu cầu phát mãi tài sản các tài sản thế chấp gồm: Thiết bị phòng hóa nghiệm; Trang thiết bị văn phòng làm việc; Bồn dầu 1.500 lít; 01 (Một) xe ô tô Ford Lasez DLX mang biển số kiểm soát 94H-3299; 01 (Một) xe tải ISUZU 3 tấn mang biển số kiểm soát 94L-5767; 01 (Một) xe nâng hàng Komatsu fork-lift; 01 (Một) xe tải Isuzu 5,5 tấn mang biển số kiểm soát 94L-5746; 02 (Hai) xe Honda Supper Dream.

3/. Đình chỉ yêu cầu phản tố của Công Ty TNHH D2 yêu cầu Công ty Cổ phần T4 trả nợ theo Hợp đồng nguyên tắc mua bán thức ăn chăn nuôi số 30052019/HĐMBTACN ngày 30/5/2019 số tiền 7.496.429.500 đồng.

4/. Buộc Công ty Cổ phần T4 có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng P1 theo Hợp đồng cho vay vốn tín dụng đầu tư phát triển số 01.1/2000/HĐTD ngày 10/6/2000 và các Phụ lục hợp đồng với tổng số tiền tính đến xét xử sơ thẩm (ngày 20/8/2025) số tiền là 9.694.698.681 đồng. Trong đó: Nợ gốc 3.798.757.700 đồng; nợ lãi trong hạn 4.699.210.135 đồng; lãi quá hạn 1.196.730.846 đồng.

Kể từ ngày 21/8/2025, Công ty Cổ phần T4 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo Hợp đồng cho vay vốn tín dụng đầu tư phát triển số 01.1/2000/HĐTD ngày 10/6/2000 và các Phụ lục hợp đồng đã ký cam kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ với Ngân hàng P1.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5/. Bác yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng P1 yêu cầu xử lý toàn bộ tài sản của Công ty Cổ phần T4 mà Ngân hàng P1 đã cho vay đầu tư để thu nợ cho Ngân hàng P1 theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 21/6/2024 gồm: Văn phòng làm việc, kho thành phẩm, kho nguyên liệu, xưởng sơ chế, xưởng sản xuất, nhà để xe 02 bánh, nhà ăn, nhà bảo vệ, khu nhà vệ sinh, hàng rào, cầu tàu, sân để trồng cây kiểng – cây xanh, đường nhựa nội bộ, hệ thống cấp thoát nước, tháp nước 10m³ (bồn Inox), hệ thống chống sét, hệ thống chữa cháy, hệ thống điện, máy nghiền sơ bộ, máy phát điện và hệ thống thiết bị nhập ngoại HeemHorst (Hà Lan) khi Công ty Cổ phần T4 không thực hiện trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng P1.

6/. Bác yêu cầu của Công Ty TNHH D2 yêu cầu Công ty Cổ phần T4 trả khoản tiền lãi chậm trả theo qui định của Hợp đồng nguyên tắc mua bán thức ăn chăn nuôi số 30052019/HĐMBTACN số tiền tính từ ngày 31/12/2021 đến ngày 31/12/2023 là 1.926.233.628 đồng.

7/. Không đặt ra giải quyết các yêu cầu của Công ty TNHH D2:

- Yêu cầu Công ty Cổ phần T4 có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH D2 – Chi nhánh D2 số tiền trả trước chưa được căn trừ là 16.775.528.701 Đồng, nếu Công ty TNHH D2 – Chi nhánh D2 không thể tiếp tục sử dụng Nhà Xưởng theo Hợp Đồng thuê đã ký.

- Buộc các bên liên quan khi xử lý tài sản của Công ty Cổ phần T4 (nếu có) không được làm chấm dứt Hợp đồng thuê, Chi nhánh Công ty D2 được tiếp tục thuê nhà xưởng cho đến hết thời hạn thuê và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Công ty T4 phải từ tài sản hình thành vốn vay của Ngân hàng P1; yêu cầu Ngân hàng P1 có trách nhiệm chứng minh và xác định các tài sản thế chấp của Công ty T4 được hình thành từ vốn vay của Ngân hàng P1.

- Buộc Công ty Cổ phần T4 có trách nhiệm sử dụng khoản tiền xử lý tài sản còn lại (sau khi đã trả các khoản nợ có thế chấp) để thanh toán cho các khoản nợ mà Công ty Cổ phần T4 còn đang nợ Công ty TNHH D2.

8/. Về chi phí xem xét thẩm định, đo đạc: Ngân hàng P1 phải chịu 11.493.559 đồng. Ngân hàng P1 đã nộp xong và đã chi hết. 9/. Về án phí:

*Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch:

- Công ty Cổ phần T4 phải nộp số tiền 117.694.699 đồng.

- Công ty TNHH D2 phải nộp số tiền 69.787.009 đồng. Công ty TNHH D2 đã dự nộp số tiền 66.782.000 đồng theo Biên lai thu số 0008739 ngày 30/5/2023 được chuyển thu án phí và phải nộp tiếp số tiền 3.005.009 đồng tại Thi hành án dân sự tỉnh C.

- Ngân hàng P1 đã dự nộp số tiền 58.478.822 đồng theo Biên lai thu số 0008264 ngày 23/12/2022 được hoàn lại toàn bộ tại Thi hành án dân sự tỉnh C.

*Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Ngân hàng P1 phải nộp 2.000.000 đồng. Ngân hàng P1 đã nộp tạm ứng án phí 2.000.000 đồng theo Biên lai thu số 0000338 ngày 17/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh C, được chuyển thu án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm TANDTC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- TAND khu vực 6-CM;
- Phòng THADS khu vực 6-CM;
- Đường sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tăng Trần Quỳnh Phương